TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2025
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân, ông Nguyễn Hạ Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan, Thư ký TAND khu vực 12 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hà Nội tham gia phiên toà:*

Bà Lê Thị Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị K, sinh năm 1991; (có mặt)

* Bị đơn: Anh Trương Quốc H, sinh năm 1984; (có mặt)

Đều HKTT: đội 2, thôn TK, xã VD, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Trần Thị K là nguyên đơn trình bày: chị và anh Trương Quốc H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TDV, huyện UH (nay là xã VD) năm 2012. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H mải chơi, tụ tập bạn bè, không quan tâm gì đến vợ con. Thời điểm trước năm 2018 anh H làm nghề lái xe thuê cho công ty, thỉnh thoảng mới đi làm, không đưa tiền cho chị trang trải cuộc sống gia đình. Từ năm 2018 đến 2021, dịch covid anh H ở nhà hoàn toàn không đi làm, ở nhà anh H cũng không đỡ đần việc nhà hay con cái với chị. Đến năm 2023, để tạo điều kiện cho anh H đi làm, chị vay mượn tiền để mua 1 chiếc xe ô tô cho anh H chạy xe taxi gia

đình, mỗi tháng anh H đưa cho chị 8.000.000đồng để trả nợ, nH đi làm về đến nhà anh H thường xuyên trong tình trạng say rượu, chửi bới vợ con vô cớ, đánh đập chị; ngay đến khi con chị đi học, cô giáo gọi điện cho chị báo đến đón con về đi viện khám nghi ngờ đau ruột thừa, khi đó chị đang ở chỗ làm, khi đó anh H đang ở nhà chơi điện tử, chị gọi điện về cho ông bà nội, ông bà nội chạy lên bảo anh H lên trường đón con lên viện trước rồi chị đến viện sau, vì nhà chị gần trường học của con, nH anh H trả lời "bảo mẹ nó về mà đón nó đi viện". Chị có thể chấp nhận một người chồng vô tâm, vô trách nhiệm với chị nH chị không thể chấp nhận một người cha vô trách nhiệm như vậy. Sau khi các con được nghỉ hè, tháng 6 vừa rồi chị đưa cả hai con chung về nhà ông bà ngoại chung sống, chị sống ly thân với anh H từ đó cho đến nay. Anh H có một lần xuống nhà bố mẹ đẻ chị khi đó có cả cô Dì chú bác nhà chị thì anh H chỉ mặt chửi chị bỏ nhà đi theo trai và doạ nạt chị trước mặt mọi người. Chị đã nhiều lần nói chuyện với anh H, nH nhận thấy không thể tìm được tiếng nói chung, chị và anh H không thể đồng điệu cả về quan điểm sống, về mặt tinh thần, tình cảm. Chị không còn tình cảm gì với anh H nữa, chị không muốn tiếp tục chung sống với một người chồng như anh H. Chị làm đơn xin được ly hôn anh H.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Trương Bảo N, sinh ngày 02/12/2012 và Trương An Nh, sinh ngày 02/11/2015. Từ trước đến nay con chung đều do chị là người trực tiếp chăm sóc, có ông bà nội hỗ trợ trong việc đưa đón các cháu đi học. Anh H không đoái hoài gì đến con. Hiện nay chị đang làm công việc nhân viên bán sữa tại cửa hàng Thế Giới sữa, ngoài ra chị có bán hàng thêm trên mạng, thu nhập bình quân 1 tháng của chị khoảng dao động từ 12.000.000đồng – 13.000.000đồng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Trương Quốc H là Bị đơn trình bày: anh và chị Trần Thị K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TDV, huyện UH (nay là xã VD) năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì là to lớn, khoảng 3 tháng gần đây vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân là do anh làm nghề lái xe, căng thẳng về mặt tinh thần và mệt về sức khoẻ nên về đến nhà là anh lăn ra ngủ, anh thừa nhận anh thiếu quan tâm đến vợ con, nH đó là do anh quá mệt, và áp lực về mặt nợ nần kinh tế, về nhà chị K lại cứ hay nói. Chị K còn có thái độ thiếu tôn trọng anh, khi có người hỏi anh đâu thì vợ anh trả lời "chị không biết nó đi đâu". Anh nhận thấy việc

chị K gọi anh là "nó" là điều thiếu tôn trọng chồng, với tư cách người đàn ông anh nhận thấy bị xúc phạm. Có những lần mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng anh cũng đã xảy ra xô xát nhiều lần, khi anh nói chị K không nghe, bực lên thì anh có đánh chị K, có lần chị K cũng đánh lại anh. Anh thừa nhận những lỗi lầm của anh như chị K đã trình bày với toà. Tuy Nh, anh vẫn còn yêu vợ thương con, vẫn muốn giữ gìn gia đình, đó chỉ là những lời nói và hành động trong lúc nóng giận. Anh đã nhận thấy mình sai, anh mong chị K nghĩ lại, mong toà hoà giải đoàn tụ cho vợ chồng anh về với nhau nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Trương Bảo N, sinh ngày 02/12/2012 và Trương An Nh, sinh ngày 02/11/2015. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với mẹ dưới nhà ông bà ngoại. Vợ chồng anh cũng sống ly thân hơn 2 tháng nay, anh gọi điện chị K không nghe máy, nhắn tin chị K không trả lời. Anh không muốn ly hôn, trường hợp toà giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, nH để công bằng thì hai vợ chồng mỗi người nuôi một con chung là tốt nhất, toà giao anh nuôi con nào cũng được. Anh không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con cho anh. Hiện nay anh đang lái xe gia đình, thu nhập bình quân 1 tháng của anh là khoảng dao động từ 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng. Do là lao động tự do nên anh không có giấy tờ xác nhận thu nhập gửi cho toà. Công việc của anh chủ động về mặt thời gian, có khách gọi thì đi, khi không có khách thì anh ở nhà.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa,* chị K và anh H đều có mặt;

Chị K xin thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, tại các buổi làm việc trước đây tại Toà chị đều không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, tuy Nh tại phiên toà hôm nay chị thay đổi suy nghĩ, chị nhận thấy cần phải để anh H có trách nhiệm với các con nên tại phiên toà hôm nay chị yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị số tiền là 2.000.000đồng/con/tháng (Hai triệu đồng), cụ thể vào ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng mà bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Anh H nhận thấy chị K cương quyết xin ly hôn nên tại phiên toà hôm nay anh cũng đồng ý ly hôn; về con chung anh vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Các đương sự đều không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hà Nội phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nH không hòa giải thành

vì nguyên đơn cương quyết xin ly hôn và xin được nuôi cả hai con chung, bị đơn không đồng ý ly hôn và đề nghị Toà trường hợp giải quyết ly hôn thì giao mỗi người nuôi một con chung. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: cho chị K được ly hôn anh H; giao cả hai con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị K theo quy định pháp luật; chị K nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị K làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn – anh Trương Quốc H có địa chỉ cư trú tại đội 2, thôn TK, xã VD, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Trong suốt quá trình làm việc: nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại buổi hoà giải lần hai.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều có mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị K và anh Trương Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TDV ngày 02/10/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân đều xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, chị K cho rằng và anh H thừa nhận anh H có thiếu sự quan tâm đến vợ con và gia đình; anh H và chị K đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, đã có những lần anh H có đánh chị K, hiện tại chị K cùng hai con chung đang ở nhà ông bà ngoại, hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 cho đến nay.

Chị K làm đơn và trình bày cương quyết xin được ly hôn với anh H, suốt quá trình làm việc tại Toà án anh H không đồng ý ly hôn, nH tại phiên toà hôm nay ạnh H nhận thấy chị K cương quyết xin ly hôn anh nên anh cũng đồng ý ly hôn. HĐXX thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H và chị K là căng thẳng, có xảy ra những xô xát căng thẳng, có thời gian sống ly thân, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị K và anh H là phù hợp với quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh H và chị K có 02 con chung là Trương Bảo N, sinh ngày 02/12/2012 và Trương An Nh, sinh ngày 02/11/2015. Hiện nay, cả hai con chung đều đang ở với chị K ở nhà ông bà ngoại. Chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung; anh H có nguyện vọng Toà giao cho mỗi người nuôi một con chung. Tuy Nh, HĐXX nhận thấy, cả hai con chung đều là con gái, cháu N đã 13 tuổi, cháu Nh 10 tuổi, đều đang ở độ tuổi tiền dậy thì và dậy thì, ở giai đoạn này các cháu rất cần đến sự chăm sóc, chỉ bảo, chia sẻ của người mẹ, người mẹ là người đồng hành cùng các cháu trong giai đoạn phát triển, thay đổi tâm sinh lý đặc biệt này. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai của hai con chung thì cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi hai bố mẹ ly hôn, các cháu cũng trình bày rất sợ ở với bố vì bố rất hay đánh mắng ba mẹ con vô cớ, có lần còn cầm ghế nhựa phang vào đầu cháu N. Chị K cũng có thu nhập đảm bảo cuộc sống được cho cả hai con chung. Khoảng cách giữa nhà anh H với nhà chị K cũng không xa, chỉ khoảng 3km, anh H lại có xe ô tô nên việc đi lại thăm nom con, đón đưa về nhà ông bà nội chơi thực hiện được rất dễ dàng.

Do đó, HĐXX quyết định giao cả hai con chung cho chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn là có căn cứ, phù hợp với sự ổn định, phát triển tâm sinh lý lứa tuổi của con chung, phù hợp với quy định pháp luật;

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong suốt quá trình làm việc tại toà án, chị K không có yêu cầu, nH tại phiên toà hôm nay, chị K thay đổi nên chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị số tiền 2.000.000đồng/tháng/con (hai trệu đồng); HĐXX nhận thấy, mặc dù chị K có thu nhập đủ để đảm bảo cuộc sống của hai con chung nH nếu có sự hỗ trợ thêm từ anh H thì hai con chung sẽ được quan tâm đủ đầy hơn, thể hiện trách nhiệm của người bố với các con; hơn nữa, anh H làm nghề lái xe gia đình, có thu nhập dao động từ 15.000.000đồng – 20.000.000đồng/tháng nên có đủ điều kiện để cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị K, do đó HĐXX buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị K số tiền 2.000.000đồng/1 con/tháng (Hai triệu đồng), cụ thể vào ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng mà bản án của Toà án của hiệu lực pháp luật, cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Anh H và chị K đều không đề nghị Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: chị K phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ Điều 55, Điều 81; Điều 82, Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Trương Quốc H.

2. Về con chung: Anh Trương Quốc H và chị Trần Thị K có 02 con chung là: Trương Bảo N, sinh ngày 02/12/2012 và Trương An Nh, sinh ngày 02/11/2015. Sau ly hôn, giao cả hai con chung cho chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị K số tiền 2.000.000đồng/1 con/tháng (Hai triệu đồng), cụ thể vào ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng mà bản án của toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi có yêu cầu mới hoặc có thay đổi khác. Sau ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

3. Về án phí: chị Trần Thị K phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001977 ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án – đối với đương sự có mặt tại phiên toà; kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ - đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà ./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

Nguyễn Văn Thiện